TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 12/4/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM,TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Ng và bà Nguyễn Thị S.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Th - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố K, tỉnh K.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng V – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố K.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh G, sinh năm 1984.Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Trần Hưng Đ, thành phố K, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh Phạm Đ, sinh năm 1983;Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ cũ: Tổ 4, phường Trần Hưng Đ, thành phố K, tỉnh K.

Địa chỉ mới: Tổ 19, thôn Hưng L, xã Kim L, huyện Châu Đ, tỉnh Bà R – Vũng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2023, bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh G trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị Quỳnh Gvà anh Phạm Đ kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Lê L, thành phố K, tỉnh K.Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường cãi vã xúc phạm nhau, không quan tâm, chia sẻ, cảm thông với nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung và không còn chung sống từ năm 2019 đến nay, mỗi người sống một

nơi không ai quan tậm đến ai, kinh tế riêng việc ai nấy làm.Chị G xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đ.

- Về con chung: Vợ chồngcó 02 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 08/9/2009 và Phạm Gia Kh, sinh ngày 28/11/2016. Sau khi ly hôn chị G có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự của Tòa án nhân dân huyện Châu Đ, tỉnh Bà R – Vũng T, anh Phạm Đ trình bày như sau:

Anh Phạm Đ và chị Nguyễn Thị Quỳnh G có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê L, thành phố K, tỉnh K vào ngày 12/01/2005. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình.Sau khi kết hôn xong thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ hay đi làm công trình ở xa nên giữa hai vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ và cảm thông cho nhau, bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng lẫn nhau. Anh Đ và chị G đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.Chị Nguyễn Thị Quỳnh G yêu cầu ly hôn, anh Đồng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồngcó 02 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 08/9/2009 và Phạm Gia Kh, sinh ngày 28/11/2016. Sau khi ly hôn anh Đ đồng ý cho chị Nguyễn Thị Quỳnh G được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung và anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/ 01 tháng cho 02 con chung. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của 02 cháu Phạm Gia B, sinh ngày 08/9/2009 và Phạm Gia Kh, sinh ngày 28/11/2016: 02 cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Quỳnh G.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án, ý kiến của bị đơn đã được thể hiện trong biên bản lấy lời khai của đương sự của Tòa án nhân dân huyện Châu Đ, tỉnh Bà R – Vũng T và có ý kiến xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại TAND thành phố K, vì vậy đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh

G. Chị Nguyễn Thị Quỳnh G được ly hôn với anh Phạm Đ. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Đ cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng.Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật,chị Nguyễn Thị Quỳnh G có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Phạm Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quỳnh G phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Phạm Đ phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Quỳnh G nhận nộp thay cho anh Phạm Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thấy rằng, các đương sự đã thỏa thuận với nhau yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết nên việc Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh G và anh Phạm Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê L vào ngày 12/01/2005 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chịNguyễn Thị Quỳnh G và anh Phạm Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Anh chị kết hôn sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh Đ và chị G bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, va chạm dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, không còn tiếng nói chung và không còn chung sống từ năm 2019 đến nay, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng việc ai nấy làm. Anh Đ và chị G đã sống ly thân nhau khoảng 04 năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị Quỳnh G và anh Phạm Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh G.

[3] Về con chung: Chị G có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Anh Đ cũng đồng ý để chị G nuôi hai con và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.000.00 đồng (Một triệu đồng). Nguyện vọng của chị G và anh Đ phù hợp với ý kiến của hai con được ở với mẹ; chị G cũng đồng ý anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.000.00 đồng (Một triệu đồng). Do đó, giao hai con Phạm Gia B, sinh ngày 08/9/2009 và Phạm Gia Kh, sinh ngày 28/11/2016 cho chị Nguyễn

Thị Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con 1.000.000 đồng).Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Quỳnh G có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Phạm Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Anh Phạm Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quỳnh G phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, anh Phạm Đ phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quảng hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh G, đơn đề ngày 03/10/2023.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh G được ly hôn anh Phạm Đ.

2.Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 08/9/2009 và Phạm Gia K, sinh ngày 28/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Phạm Đ cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng.Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật,chị Nguyễn Thị Quỳnh G có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Phạm Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân

sự.Anh Phạm Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quỳnh G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 0000510 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K. Chị G đã nộp đủ tiền án phí. Anh Phạm Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị Quỳnh G nhận nộp thay cho anh Phạm Đồng.

5.Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 4 năm 2024), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục THDS TP K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

MAI THỊ THU

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
-VKSND thành phố Kon Tum;
-Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum;
-Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HĐXX SƠ THẨM – TAND THÀNH PHỐ KON TUM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
-VKSND thành phố Kon Tum;
-Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum;
-Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA